TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** *****	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *****
Số: 94/2021/QĐST-DS	*Chương Mỹ, ngày 18 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày **10** tháng **6** năm **2021** về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 43/2021/TLST–DS ngày 08 tháng 4 năm 2021.*

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP X.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà M, số 229 T, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trần Ph - Giám đốc Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh H *(theo Giấy ủy quyền số 75/2020/QĐ-CTHĐQT ngày 17/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP X).*

Ông Nguyễn Trần Phon ủy quyền cho: Bà Bùi Thu Th, ông Đoàn Trung K *(theo Giấy ủy quyền số 162/2021/UQ-GĐCNHN ngày 10/3/2021).*

*** Bị đơn:**

1. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1980.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: thôn T, xã TXT, huyện C, Thành phố Hà Nội.

2. Chị Tô Thị Đ, sinh năm 1981.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: thôn G, xã TXT, huyện C, Thành phố Hà Nội.

Chị Tô Thị Đ ủy quyền cho anh Phạm Văn H (theo giấy ủy quyền ngày 27/4/2021).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Chị Lộc Thị D, sinh năm 1991 *(Vợ anh H).*

Cư trú tại: thôn T, xã TXT, H. C, TP Hà Nội.

2. Chị Phạm Thu H, sinh năm 2001 *(Con anh H + chị Đ)*

Cư trú tại: thôn T, xã TXT, H. C, TP Hà Nội.

Chị Lộc Thị D và chị Phạm Thu H đều ủy quyền cho anh H (theo giấy ủy quyền ngày 27/4/2021 và ngày 13/5/2021).

3. Cháu Phạm Đức A, sinh ngày 18/5/2004 *(Con anh H + chị Đ)*

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đức A là anh H (bố đẻ).

Cư trú tại: thôn T, xã TXT, huyện C, Hà Nội.

4. Cháu Phạm Bảo A, sinh năm 2016 *(Con anh H + chị Đ).*

Người đại diện theo pháp luật của cháu Bảo A là chị Tô Thị Đ (mẹ đẻ)

Đều cư trú: thôn G, xã TXT, huyện C, TP Hà Nội.

Chị Tô Thị Đ ủy quyền cho anh Phạm Văn H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ:

Theo Hợp đồng tín dụng số 108.1760/2016/HĐTD-CN/PGBankHN ngày 14/6/2016 và Khế ước nhận nợ số 108.1760.01/2016/KƯNN-CN/PGBankHN ngày 21/6/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP X với anh Phạm Văn H và chị Tô Thị Đ: Anh H và chị Đ còn nợ và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm tính đến hết ngày 02/6/2021 tổng số tiền là: **250.127.220** đồng. Trong đó: Nợ gốc: 166.900.635 đồng; nợ lãi trong hạn: 36.671.182 đồng; nợ lãi quá hạn: 46.555.403 đồng. **Trong đó:**

+ Anh Phạm Văn H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền là: **125.063.610** đồng trong đó: Nợ gốc: 83.450.317,5 đồng; nợ lãi trong hạn là: 18.335.591 đồng; lãi quá hạn là: 23.277.701,5 đồng.

+ Chị Tô Thị Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền là: **125.063.610** đồng trong đó: Nợ gốc: 83.450.317,5 đồng; nợ lãi trong hạn là: 18.335.591 đồng; lãi quá hạn là: 23.277.701,5 đồng.

Anh Phạm Văn H và chị Tô Thị Đ phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 03/6/2021 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 108.1760/2016/HĐTD-CN/PGBankHN ngày 14/6/2016 và Khế ước nhận nợ số 108.1760.01/2016/KƯNN-CN/PGBankHN ngày 21/6/2016 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP X.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp anh H, chị Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên cho Ngân hàng TMCP X thì Ngân hàng TMCP X có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 3-2016, diện tích 263m^2 có địa chỉ tại: thôn T, xã TXT, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội *(theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 435416, số vào sổ cấp GCN CS-CM 01195 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 26/02/2016)* mang tên hộ ông Phạm Văn H và bà Tô Thị Đ để thu hồi nợ.

Nếu số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP X thì anh H, chị Đ vẫn phải tiếp tục trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP X.

Theo đó: Anh H, chị Đ, chị Dung, chị Hà, cháu Đức A (do anh H là người đại

diện theo pháp luật) cháu Bảo A (do chị Đ là đại diện theo pháp luật) và những người đang sinh sống trên tài sản thế chấp (nếu có phát sinh thêm) đều đồng ý và có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh H, chị Đ tại Ngân hàng TMCP X. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh H, chị Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP X.

2.3. Về án phí:

+ Bị đơn anh Phạm Văn H và chị Tô Thị Đ tự nguyện chịu án phí Dân sự sơ thẩm là: 6.253.176 đồng (Làm tròn là 6.253.180 đồng). Trong đó phần của anh H, chị Đ mỗi người phải chịu là 3.126.590 đồng *(Bằng chữ: Ba triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi đồng)*.

+ Ngân hàng TMCP X được hoàn trả số tiền **6.400.000** đồng *(Bằng chữ: Sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng)* dự phí đã nộp (*theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0075032 ngày 08 tháng 4 năm 2021*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Long